

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8-HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21-10-2025

“V/v ly hôn, nuôi con chung giữa

Anh Lim-chị Linh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Đức - Thẩm phán Tòa án nhân dân khu vực 8-Hung Yên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Văn Luân; Ông Trần Đăng Tuấn.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8-Hung Yên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Hung Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8-Hung Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân L, sinh năm 1997;

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, tỉnh Hưng Yên.

-Bị đơn: Chị Nguyễn Diệu L1, sinh năm 1998;

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, tỉnh Hưng Yên.

(Tại phiên tòa có mặt các đương sự)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai nguyên đơn là anh Phạm Xuân L trình bày: Anh L và chị Nguyễn Diệu L1 tự do, tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, nay là xã P, tỉnh Hưng Yên vào ngày 22/5/2024, sau khi kết hôn cả hai đều chung sống cùng gia đình anh tại xã P và lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 7/2025 chị L1 đã đưa con chung trở về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị xin được ly hôn chị L1.

-Về con chung: Anh L khai vợ chồng có 01 con chung là Phạm Minh C, sinh ngày 12/6/2024 hiện do chị L1 đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn xảy ra anh đề nghị để chị L1 được nuôi dưỡng con chung, nếu chị L1 yêu cầu cấp dưỡng anh sẽ nhận cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/1 tháng.

-Về tài sản chung: Anh L khai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Diệu L1 trình bày: Chị L1 xác nhận lời khai của anh L về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn. Chị L1 xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Về con chung: Chị L1 xác nhận vợ chồng có 01 con là Phạm Minh C, sinh ngày 12/6/2024 hiện do chị L1 đang nuôi dưỡng, chị L1 đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Chị L1 khai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã xác minh:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948, địa chỉ: thôn A, xã T, tỉnh Hưng Yên là bà N chị L1; Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1977 địa chỉ: thôn T, xã P, tỉnh Hưng Yên là mẹ đẻ anh L; Ông Nguyễn Duy N1 là trưởng thôn A, xã T đã cung cấp nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh L1 là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hiện tại hai bên đã sống ly thân. Quan điểm của thân nhân anh L, chị L1 và cơ sở thôn đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân và thực trạng cuộc sống để hòa giải để các bên trở về đoàn tụ, nếu việc hòa giải không thành thì đề nghị tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Hưng Yên tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh L được ly hôn chị L1. Về con chung: Xử giao con chung Phạm Minh C, sinh ngày 12/6/2024 cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị L1 không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: anh L chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra giải quyết, anh L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn A, xã T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, nuôi con chung. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Phạm Xuân L và chị Nguyễn Diệu L1 được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, nay là xã P, tỉnh Hưng Yên vào ngày 22/5/2024 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai đều chung sống cùng gia đình anh L tại xã A và lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 7/2025 mâu thuẫn trầm trọng, chị L1 đã đưa con chung trở về gia đình bố mẹ đẻ tại xã T sinh sống và sống ly thân đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh L làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa cả anh L, chị L1 đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, anh L đề nghị xin được ly hôn, còn chị L1 đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của anh L theo quy định của pháp luật. Qua xác minh thân nhân anh L, chị L1 và cơ sở thôn A, xã T đều xác nhận cuộc sống vợ chồng giữa anh L, chị L1 đã mâu thuẫn trầm trọng và hiện tại hai bên đã sống ly thân, đề nghị Tòa án căn cứ vào hiện trạng thực tế, hòa giải để các bên trở về đoàn tụ, nếu việc hòa giải không thành thì đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của anh L theo quy định của pháp luật. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa anh L, chị L1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh L được ly hôn anh L chị L1 là có căn cứ.

[4] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị L1 về nuôi dưỡng con chung cho thấy anh L, chị L1 có 01 con chung là Phạm Minh C, sinh ngày 12/6/2024. Tại phiên tòa chị L1 và anh L đều nhất trí giao con chung cho chị L1 nuôi dưỡng; anh L sẽ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/1 tháng nếu chị L1 yêu cầu. Tại phiên tòa chị L1 không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy con chung hiện dưới 36 tháng tuổi được chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng chu đáo kể từ khi sống ly thân cho đến nay, vì vậy cần giao con chung cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị L1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Anh L, chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Anh Lim phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Lim, chị L1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Xuân L được ly hôn chị Nguyễn Diệu L1.

2/Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung Phạm Minh C, sinh ngày 12/6/2024 cho chị L1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L1 không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Anh L, chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền anh L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005817 ngày 15/8/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, tỉnh Hưng Yên thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Anh Lim, chị L1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC